


# Quick Setup Guide Guide de configuration rapide

QB43B QB50B QB55B QB65B QB75B  
QB55B-N QB65B-N QB75B-N

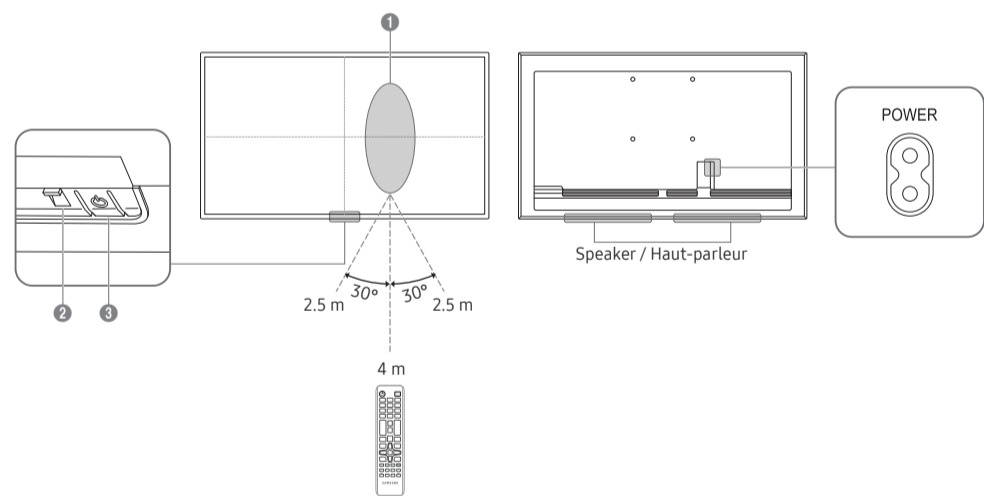
- \* Recommended hours of use per day of this product is under 16 hours. If the product is used for longer than 16 hours a day, the warranty may be void.
- \* The colour and the appearance may differ depending on the product, and the content in the manual is subject to change without prior notice to improve the performance.
- \* Download the user manual from the website for further details. <http://www.samsung.com/displaysolutions>
- \* Il est recommandé d'utiliser ce produit moins de 16 heures par jour. L'utilisation quotidienne du produit pendant une durée supérieure à 16 heures peut entraîner l'annulation de la garantie.
- \* La couleur et l'aspect du produit peuvent varier en fonction du modèle, et le contenu dans le manuel peut être modifié sans préavis pour des raisons d'amélioration des performances.
- \* Téléchargez le manuel utilisateur du site Web pour obtenir plus de détails.

The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing Administrator, Inc. in the United States and other countries.



BN68-14003F-00

## Parts Pièces



- English**
- Remote sensor  
Press a button on the remote control pointing at the sensor on the front of the product to perform the corresponding function.  
\* Using other display devices in the same space as the remote control of this product can cause the other display devices to be inadvertently controlled.
  - Power indicator
  - Power button  
Turns the product on or off.

- Français**
- Capteur de la télécommande  
Appuyez sur un bouton de la télécommande tout en pointant cette dernière vers le capteur situé à l'avant du produit pour exécuter la fonction correspondante.  
\* Si vous utilisez la télécommande de ce produit dans le même espace que d'autres périphériques d'affichage, il se peut que ces derniers soient commandés par mégarde.
  - Indicateur d'alimentation
  - Bouton d'alimentation  
Permet d'activer ou de désactiver le produit.

Quick Setup Guide Guide de configuration rapide	Warranty card (Not available in some locations) Carte de garantie (Non disponible dans certains pays)	Regulatory guide Guide réglementaire
Power cord Cordon d'alimentation	Batteries (AAA x 2) (Not available in some locations) Batteries (AAA x 2) (Non disponible dans certains pays)	Remote Control Télécommande
RS232C adapter Adaptateur RS232C	HOLDER-CABLE (Supported models: QB65B, QB65B-N, QB75B, QB75B-N) PORTE-CÂBLE (Modèles pris en charge: QB65B, QB65B-N, QB75B, QB75B-N)	

- English**
- Contact the vendor where you purchased the product if any components are missing.  
Components may differ in different locations.
- Tiếng Việt**
- Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.  
Các thành phần có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau.

- Français**
- Si l'un manque le moindre composant, contactez le revendeur auprès duquel vous avez acheté le produit.  
Les composants peuvent être différents suivant la région.
- 繁體中文**
- 如有任何元件遺漏，請聯絡您購買產品的供應商。  
不同地區的元件可能有所差異。

- Português**
- Contacte o vendedor onde adquiriu o produto caso haja componentes em falta.  
Os componentes podem variar em locais diferentes.
- العربية**
- اتصل بالبايع الذي اشتريته منه المنتج في حالة عدم وجود اي مكونات.  
قد تختلف المكونات باختلاف المواقع.

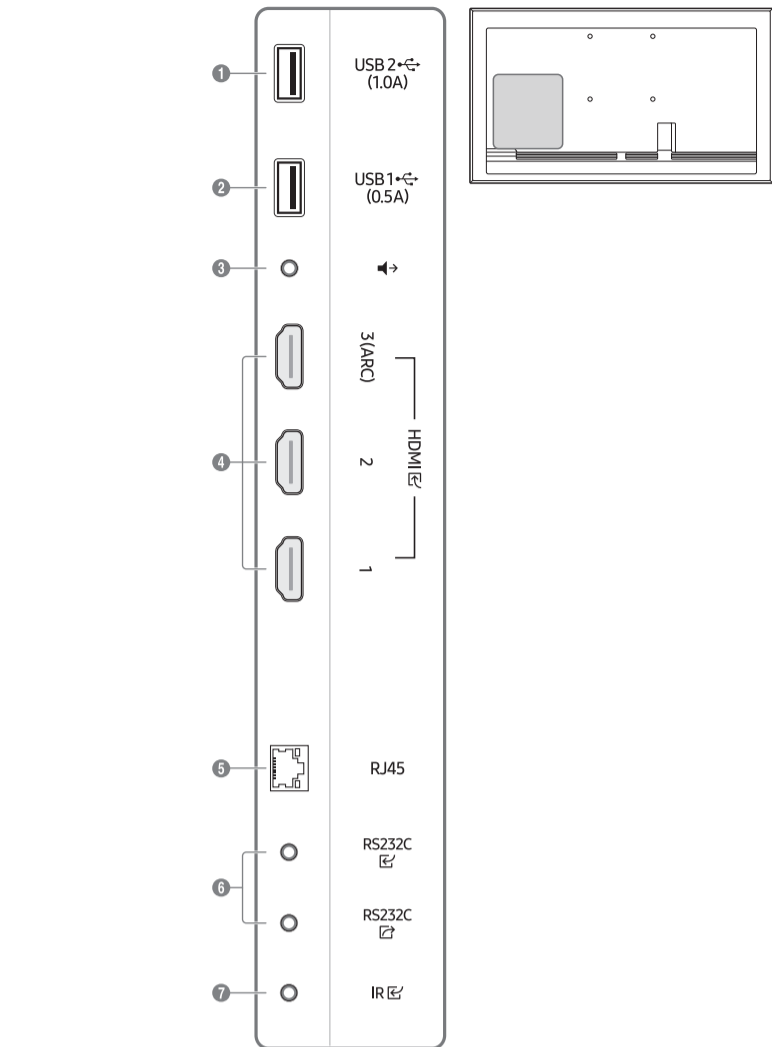
- Português**
- Sensor do telecomando  
Prima um botão do telecomando apontando para o sensor localizado na parte frontal do produto para executar a função correspondente.  
\* Se utilizar outros dispositivos de visualização no mesmo espaço do telecomando deste produto poderá vir a controlar estes outros dispositivos acidentalmente.
  - Indicador de corrente
  - Botão de alimentação  
Liga e desliga o produto.

- Tiếng Việt**
- Cảm biến từ xa  
Nhấn nút trên điều khiển từ xa trỏ vào cảm biến trên mặt trước của sản phẩm để thực hiện chức năng tương ứng.  
\* Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.
  - Chỉ báo nguồn
  - Nút nguồn  
Bật hoặc tắt sản phẩm.

- 繁體中文**
- 遙控感應器  
對著產品正面的感應器按下遙控器上的按鈕，執行相對應的功能。  
\* 在相同地點與本產品的遙控器一併使用其他顯示裝置，可能會導致其他顯示裝置發生未能如預期受控制。
  - 電源指示燈
  - 電源按鈕  
開啓或關閉產品。

- العربية**
- مستشعر وحدة التحكم عن بعد  
اضغط على زر في جهاز التحكم عن بعد مع توجيهه إلى المستشعر الموجود بمقدمة المنتج لإجراء الوظيفة المطابقة.
  - \* استخدام أجهزة العرض الأخرى في نفس مساحة وحدة التحكم عن بعد الخاصة بهذا المنتج قد يؤدي إلى التحكم في هذه الأجهزة دون قصد.
  - مؤشر الطاقة
  - زر الطاقة  
تشغيل المنتج أو إيقاف تشغيله.

## Ports Ports



- English**
- Connect to a USB memory device.  
\* The USB ports on the product accept a maximum constant current of 1.0A. If the maximum value is exceeded, USB ports may not work.
  - Connect to a USB memory device.  
\* The USB ports on the product accept a maximum constant current of 0.5A. If the maximum value is exceeded, USB ports may not work.
  - Outputs sound to an audio device via an audio cable.
  - Connects to a source device using a HDMI cable or HDMI-DVI cable.
  - Connects to MDC and the Internet using a LAN cable. (10/100 Mbps)
  - Connects to MDC using an RS232C adapter.
  - Connects to an external IR cable that receives signals from the remote control.

- Français**
- Permet de se connecter à un périphérique de mémoire USB.  
\* Les ports USB sur le produit acceptent un courant constant maximal de 1,0 A. Si cette valeur maximale est dépassée, il est possible que les ports USB ne fonctionnent pas.
  - Permet de se connecter à un périphérique de mémoire USB.  
\* Les ports USB sur le produit acceptent un courant constant maximal de 0,5 A. Si cette valeur maximale est dépassée, il est possible que les ports USB ne fonctionnent pas.
  - Émet du son vers un appareil audio via un câble audio.
  - Connexion à un périphérique source à l'aide d'un câble HDMI ou HDMI-DVI.
  - Permet de se connecter à MDC et à Internet via un câble LAN. (10/100 Mbit/s)
  - Connexion au MDC grâce à un adaptateur RS232C.
  - Permet la connexion à un câble IR externe qui reçoit les signaux de la télécommande.

## Contact SAMSUNG WORLD WIDE Comment contacter Samsung dans le monde

Web site: <http://www.samsung.com>

Country/Area	Customer Care Centre
ALGERIA	3004
AUSTRALIA	1300 362 603
BAHRAIN	8000-GSAM (8000-4726)
BANGLADESH	08000-300-300 (Toll free) 09612-300-300
CAMBODIA	1800-20-3232 (Toll free)
CAMEROON	67095 0077
COTE D'IVOIRE	8000 0077
EGYPT	08000-7267864 16580 WhatsApp 010 000 16580
GHANA	0800 100 077
HONG KONG	3698 4698 (All Product) 3698 4688 (B2B)
INDIA	1800 5 SAMSUNG (1800 5 7267864) (Toll-Free) 1800 40 SAMSUNG (1800 40 7267864) (Toll-Free)
INDONESIA	021-5699-7777 0800-112-8888 (Toll Free)
IRAN	021-8255
IRAQ	80010080
ISRAEL	*6963
JORDAN	0800-22273 06 5777444

Country/Area	Customer Care Centre
KENYA	0800 545 545
KUWAIT	183-CALL (183-2255)
LAOS	+856-214-17333
LEBANON	1598
MACAU	0800 333
MALAYSIA	1800-88-9999 +603-7713 7420 (Overseas contact)
MAURITIUS	800 5050
MOROCCO	080 100 22 55
MOZAMBIQUE	84 726 7864
MYANMAR	+95-1-2399-888
NAMIBIA	08 197 267 864
NEPAL	16600172667 (Toll Free for NTC Only) 9801572667 (Toll Free for Ncell users)
NEW ZEALAND	0800 726 786
NIGERIA	0800 726 7864
OMAN	800-SAM CS (800-72627)
PAKISTAN	0800-Samsung (7267864)
PALESTINE	1800-792447
PHILIPPINES	1-800-10-726-7864 [PLDT Toll Free] 1-800-8-726-7864 [Globe Landline and Mobile] 02-8-422-2111 [Standard Landline]

Country/Area	Customer Care Centre
QATAR	800-CALL (800-2255)
REUNION	0262 50 88 80
SAUDI ARABIA	8002474357 (800 24/7 HELP) From Inside Saudi Arabia +966112614718 From outside Saudi Arabia (May Call Charges will be applied)
SENEGAL	800 00 0077
SINGAPORE	1800 7267864   1800-SAMSUNG
SOUTH AFRICA	0860 SAMSUNG (726 7864)
SRI LANKA	011 SAMSUNG (011 7267864)
SUDAN	1969
TAIWAN	0800-32-9999 0809-00-5237 (B2B / Dealer)
TANZANIA	0800 780 089
THAILAND	Hotline no : 1282 1800-29-3232 (Toll free for all product)
TUNISIA	80 100 012
U.A.E	800-SAMSUNG (800 - 726 7864)
UGANDA	0800 300 300
VIETNAM	1800 588 889 (All Product)
ZAMBIA	3434

- Português**
- Ligue a um dispositivo de memória USB.  
\* As portas USB do produto aceitam até 1,0 A de corrente contínua. Se o valor máximo for excedido, as portas USB podem não funcionar.
  - Ligue a um dispositivo de memória USB.  
\* As portas USB do produto aceitam até 0,5 A de corrente contínua. Se o valor máximo for excedido, as portas USB podem não funcionar.
  - Emite som para um dispositivo de áudio através de um cabo de áudio.
  - Liga-se a um dispositivo de entrada utilizando um cabo HDMI ou HDMI-DVI.
  - Liga ao MDC e à Internet utilizando um cabo LAN. (10/100 Mbps)
  - Liga-se a um MDC utilizando um adaptador RS232C.
  - Liga a um cabo IR externo que recebe sinais do telecomando.

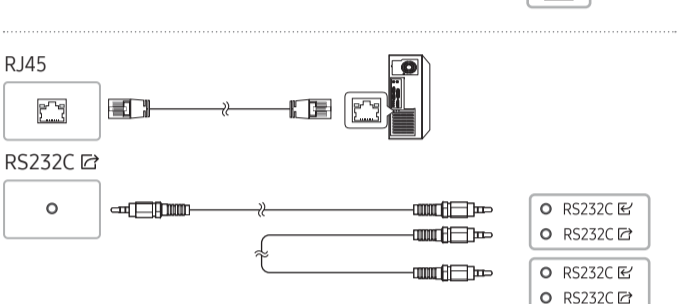
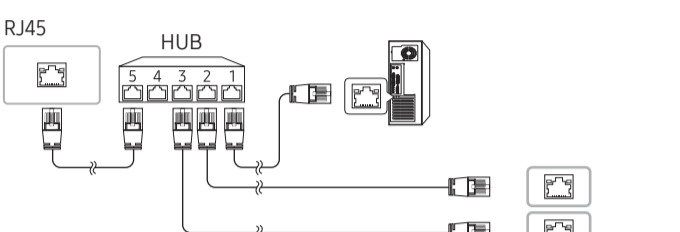
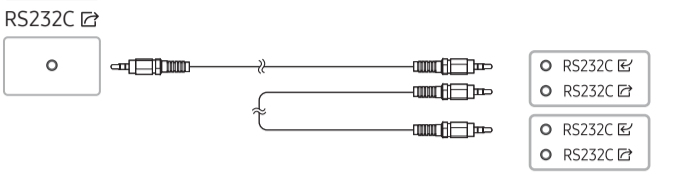
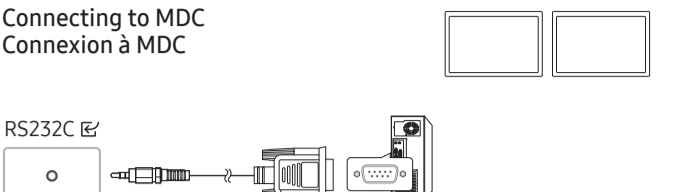
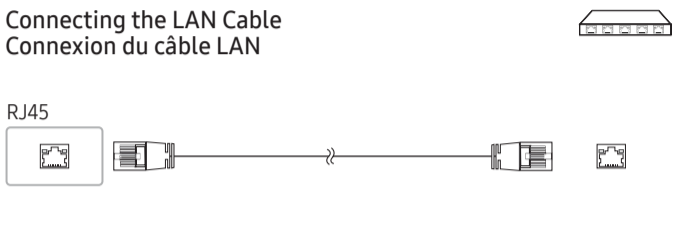
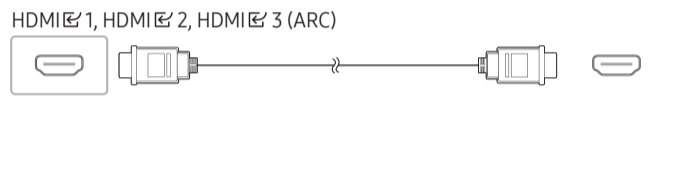
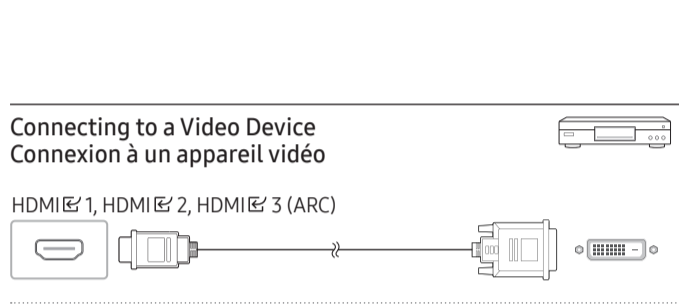
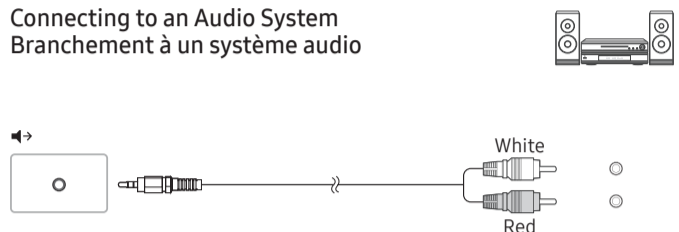
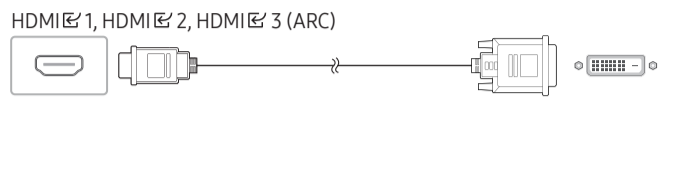
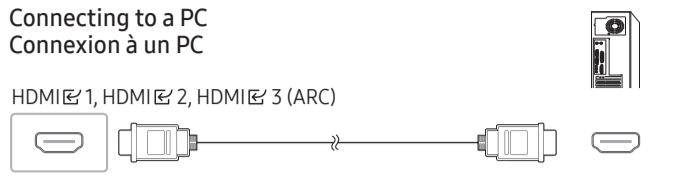
- Tiếng Việt**
- Kết nối với thiết bị nhớ USB.  
\* Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 1,0 A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
  - Kết nối với thiết bị nhớ USB.  
\* Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 0,5 A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
  - Đưa âm thanh ra thiết bị âm thanh qua cáp âm thanh.
  - Kết nối với thiết bị tin hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
  - Kết nối với MDC và Internet bằng cáp LAN. (10/100 Mbps)
  - Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
  - Kết nối với cáp IR bên ngoài để nhận tín hiệu từ điều khiển từ xa.

- 繁體中文**
- 連接至 USB 記憶裝置。  
\* 本產品上的 USB 連接埠接受最大恆定電流 1.0A。若超過最大值，USB 連接埠可能無法運作。
  - 連接至 USB 記憶裝置。  
\* 本產品上的 USB 連接埠接受最大恆定電流 0.5A。若超過最大值，USB 連接埠可能無法運作。
  - 透過音訊纜線將聲音輸出到音訊裝置。
  - 使用 HDMI 纜線或 HDMI-DVI 纜線連接至訊號源裝置。
  - 使用 LAN 纜線連接至 MDC 和網際網路。(10/100 Mbps)
  - 使用 RS232C 轉接器連接至 MDC。
  - 連接至接收遙控器訊號的外部 IR 纜線。

## العربية

- التوصيل بجهاز ذاكرة USB.  
\* تقبل منافذ USB الموجودة بالمنتج تياراً ثابتاً يبلغ 1.0 أمبير بحد أقصى. في حالة تجاوز أقصى قيمة، قد لا تعمل منافذ USB.
- التوصيل بجهاز ذاكرة USB.  
\* تقبل منافذ USB الموجودة بالمنتج تياراً ثابتاً يبلغ 0.5 أمبير بحد أقصى. في حالة تجاوز أقصى قيمة، قد لا تعمل منافذ USB.
- يقوم بإخراج الصوت إلى جهاز صوت عبر كبل صوت.
- للتوصيل بجهاز مصدر باستخدام كابل HDMI أو كابل HDMI-DVI.
- التوصيل بالمتفخذ MDC والإنترنت باستخدام كبل LAN. (10/100 ميجابت في الثانية)
- التوصيل ببرنامح MDC باستخدام محوّل RS232C.
- يتصل بكبل IR خارجي يستقبل إشارات من جهاز التحكم عن بعد.

## Connecting and Using a Source Device Connexion et utilisation d'un périphérique source



## Troubleshooting Guide Guide de dépannage

Issues	Solutions
The screen keeps switching on and off.	Check that the cable between the product and the PC is connected correctly.
Not Optimum Mode is displayed.	This message is displayed when a signal from the graphics card exceeds the product's maximum resolution and frequency. Refer to the Standard Signal Mode Table and set the maximum resolution and frequency according to the product specifications.

Problèmes	Solutions
L'écran s'allume et s'éteint continuellement.	Vérifiez que le câble entre le produit et le PC est connecté correctement.
Mode non optimal est affiché.	Ce message s'affiche lorsqu'un signal émis par la carte graphique est supérieur à la fréquence et la résolution maximales de l'appareil. Consultez le tableau des modes de signal standard et réglez la fréquence et la résolution maximales conformément aux spécifications de l'appareil.

Problemas	Soluções
O ecrã está continuamente a ligar e a desligar.	Verifique se o cabo entre o produto e o PC está ligado corretamente.
A mensagem <b>Modo inadequado</b> é exibida.	Esta mensagem é apresentada quando um sinal da placa gráfica ultrapassa a resolução e a frequência máximas do produto. Consulte a Tabela do modo de sinal padrão e defina a resolução e a frequência máximas de acordo com as especificações do produto.

## Wall Mount Kit Specifications Spécifications du kit de montage mural

Model Name	VESA screw hole specs (A * B) in millimeters	C	Standard Screw	Quantity	Wall mount bracket
QB43B	200 x 200	31-32 mm	M8	4	
QB50B QB55B QB55B-N		29-30 mm			
QB65B QB65B-N	400 x 400	30-31 mm			
QB75B QB75B-N					

Các vấn đề	Giải pháp
Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra xem cáp giữa sản phẩm và PC có được kết nối chính xác không.
Not Optimum Mode được hiển thị.	Thông báo được hiện thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa. Tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn và cài đặt độ phân giải và tần số tối đa theo thông số sản phẩm.

問題	解決方法
螢幕不斷開啓和關閉。	檢查產品與電腦之間的纜線是否正確連接。
顯示 <b>非最佳化模式</b> 。	圖形卡所發出的訊號超過產品的最大解析度和頻率時，就會顯示此訊息。 請參閱「標準訊號模式表」，並根據產品規格設定最大解析度與頻率。

المشاكل	الحلول
يتم تشغيل الشاشة ثم إيقاف تشغيلها بشكل متكرر.	تحقق من توصيل الكابل بين المنتج والكمبيوتر الشخصي بشكل صحيح.
يتم عرض ليس الوضع الأمثل.	يتم عرض هذه الرسالة عند تجاوز الإشارة الواردة من بطاقة الرسومات لأقصى دقة وتردد المنتج. راجع إلى "جدول الأوضاع القياسية للإشارات" واضبط أقصى دقة وتردد وفقاً لمواصفات المنتج.

Nom du modèle / Spécifications VESA pour trou de vis (A * B) en millimètres / Vis standard / Quantité / Support de fixation murale / Produit
<b>Português</b> Nome do modelo / Especificações VESA dos orifícios para parafusos (A * B) em milímetros / C (mm) / Parafuso padrão / Quantidade / Suporte para montagem na parede / Produto
<b>Tiếng Việt</b> Tên môđen / Thông số lỗ vít VESA (A * B) tính bằng milimet / C (mm) / Vít chuẩn / Số lượng / Giá treo tường / Sản phẩm
<b>繁體中文</b> 型號名稱 / VESA 螺絲孔規格 (A * B) (公釐) / C (公釐) / 標準螺絲 / 數量 / 掛牆托架 / 產品
<b>العربية</b> اسم الموديل / مواصفات فتحة مسامير الحامل VESA (A * B) بالملي متر / C (مم) / دعامه التثبيت في الحائط / المنتج / الكمية



Model Name	QB43B	QB50B	QB55B / QB55B-N
Panel	Size	1079 cm	138.7 cm
	Display area	941.184 mm (H) x 529.416 mm (V)	1095.84 mm (H) x 616.41 mm (V)
Model Name	QB65B / QB65B-N		QB75B / QB75B-N
Panel	Size	163.9 cm	189.3 cm
	Display area	1428.48 mm (H) x 803.52 mm (V)	1650.24 mm (H) x 928.26 mm (V)
Power Supply	AC100-240V~ 50/60Hz Refer to the label at the back of the product as the standard voltage can vary in different countries.		
Environmental considerations	Operating	Temperature: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) Humidity: 10% ~ 80%, non-condensing	
	Storage	Temperature: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) Humidity: 5% ~ 95%, non-condensing	

\* This device is a Class B digital apparatus.  
\* For detailed device specifications, visit the Samsung website.

## Franglais Caractéristiques techniques

Nom du modèle	QB43B	QB50B	QB55B / QB55B-N
Panneau	Taille	Classe 43 (42,5 pouces / 1079 cm)	Classe 50 (49,5 pouces / 125,7 cm) / Classe 55 (54,6 pouces / 138,7 cm)
	Surface d'affichage	941,184 mm (H) x 529,416 mm (V)	1095,84 mm (H) x 616,41 mm (V) / 1209,6 mm (H) x 680,4 mm (V)
Nom du modèle	QB65B / QB65B-N		QB75B / QB75B-N
Panneau	Taille	Classe 65 (64,5 pouces / 163,9 cm)	Classe 75 (74,5 pouces / 189,3 cm)
	Surface d'affichage	1428,48 mm (H) x 803,52 mm (V)	1650,24 mm (H) x 928,26 mm (V)
Alimentation	AC100-240V~ 50/60Hz Reportez-vous à l'étiquette apposée au dos du produit, car la tension standard peut varier en fonction du pays.		
Considérations environnementales	Fonctionnement	Température: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) Humidité: 10% à 80%, sans condensation	
	Stockage	Température: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) Humidité: 5% à 95%, sans condensation	

\* Ce périphérique est un appareil numérique de Classe B.  
\* Pour les spécifications détaillées de l'appareil, veuillez visiter le site Web de Samsung.

## Português Características técnicas

Nome do modelo	QB43B	QB50B	QB55B / QB55B-N
Painel	Tamanho	Classe 43 (42,5 polegadas / 1079 cm)	Classe 50 (49,5 polegadas / 125,7 cm) / Classe 55 (54,6 polegadas / 138,7 cm)
	Área de visualização	941,184 mm (H) x 529,416 mm (V)	1095,84 mm (H) x 616,41 mm (V) / 1209,6 mm (H) x 680,4 mm (V)
Nome do modelo	QB65B / QB65B-N		QB75B / QB75B-N
Painel	Tamanho	Classe 65 (64,5 polegadas / 163,9 cm)	Classe 75 (74,5 polegadas / 189,3 cm)
	Área de visualização	1428,48 mm (H) x 803,52 mm (V)	1650,24 mm (H) x 928,26 mm (V)
Fonte de alimentação	AC100-240V~ 50/60Hz Consulte a etiqueta na parte posterior do produto pois a tensão padrão pode variar em países diferentes.		
Características ambientais	Funcionamento	Temperatura: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) Humidade: 10% ~ 80%, sem condensação	
	Armazenamento	Temperatura: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) Humidade: 5% ~ 95%, sem condensação	

\* Este dispositivo é um aparelho digital de Classe B.  
\* Para obter mais informações sobre as especificações do dispositivo, visite o website da Samsung.

## Tiếng Việt Các thông số kỹ thuật

Tên môđen	QB43B	QB50B	QB55B / QB55B-N
Màn hình	Kích thước	Loại 43 (42,5 inch / 1079 cm)	Loại 50 (49,5 inch / 125,7 cm) / Loại 55 (54,6 inch / 138,7 cm)
	Vùng hiển thị	941,184 mm (H) x 529,416 mm (V)	1095,84 mm (H) x 616,41 mm (V) / 1209,6 mm (H) x 680,4 mm (V)
Tên môđen	QB65B / QB65B-N		QB75B / QB75B-N
Màn hình	Kích thước	Loại 65 (64,5 inch / 163,9 cm)	Loại 75 (74,5 inch / 189,3 cm)
	Vùng hiển thị	1428,48 mm (H) x 803,52 mm (V)	1650,24 mm (H) x 928,26 mm (V)
Nguồn điện	AC100-240V~ 50/60Hz Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.		
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) Độ ẩm: 10% ~ 80%, không ngưng tụ	
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) Độ ẩm: 5% ~ 95%, không ngưng tụ	

\* Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B.  
\* Để xem thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị, hãy truy cập trang web của Samsung.

## 繁體中文 規格

型號名稱	QB43B	QB50B	QB55B / QB55B-N
面板	大小 (需沿屏幕表面測量對角)	42.5 英寸 (107.9 公分)	49.5 英寸 (125.7 公分) / 54.6 英寸 (138.7 公分)
	可視面積 (需沿屏幕表面測量)	941.184 公釐 (水平) x 529.416 公釐 (垂直)	1095.84 公釐 (水平) x 616.41 公釐 (垂直) / 1209.6 公釐 (水平) x 680.4 公釐 (垂直)
型號名稱	QB65B / QB65B-N		QB75B / QB75B-N
面板	大小 (需沿屏幕表面測量對角)	64.5 英寸 (163.9 公分)	74.5 英寸 (189.3 公分)
	可視面積 (需沿屏幕表面測量)	1428.48 公釐 (水平) x 803.52 公釐 (垂直)	1650.24 公釐 (水平) x 928.26 公釐 (垂直)
電源	AC100-240V~ 50/60Hz 請參閱產品後方的標籤，不同國家地區的標準電壓不盡相同。		
環境因素	工作	溫度: 0 °C ~ 40 °C (32 °F ~ 104 °F) 濕度: 10% ~ 80%、無冷凝	
	存放	溫度: -20 °C ~ 45 °C (-4 °F ~ 113 °F) 濕度: 5% ~ 95%、無冷凝	

\* 此裝置為 B 類數位設備。  
\* 如需詳細的裝置規格，請造訪 Samsung 網站。  
\* QB43B：耗電量 (額定)：100 W  
QB50B：耗電量 (額定)：130 W  
QB55B / QB55B-N：耗電量 (額定)：130 W  
QB65B / QB65B-N：耗電量 (額定)：165 W  
QB75B / QB75B-N：耗電量 (額定)：210 W

## RoHS

設備名稱：彩色顯示器  
Equipment name  
型號 ( 型式 )：QB43B / QB50B / QB55B / QB65B / QB75B / QB55B-N / QB65B-N / QB75B-N  
Type designation ( Type)

單元 Unit	限制用物質及其化學符號 Restricted substances and its chemical symbols					
	鉛 Lead (Pb)	汞 Mercury (Hg)	鎘 Cadmium (Cd)	六價鉻 Hexavalent chromium (Cr <sup>VI</sup> )	多溴聯苯 Polybrominated biphenyls (PBB)	多溴二苯醚 Polybrominated diphenyl ethers (PBDE)
電路板	—	○	○	○	○	○
外殼	○	○	○	○	○	○
金屬零件	—	○	○	○	○	○
液晶面板	—	○	○	○	○	○
揚聲器	○	○	○	○	○	○
配件 (例：線材、遙控器)	—	○	○	○	○	○

備考 1. "○" 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。  
Note 1: "○" indicates that the percentage content of the restricted substance does not exceed the percentage of reference value of presence.  
備考 2. "—" 係指該項限用物質為排除項目。  
Note 2: The "—" indicates that the restricted substance corresponds to the exemption.

## العربية

### المواصفات

اسم الموديل	QB55B / QB55B-N	QB50B	QB43B	الحجم	لوحة
اسم الموديل	الفئة 55 (بوصة 138.7 سم) / الفئة 54.6 (بوصة 138.7 سم) x 529.416 مم (رأسية)	الفئة 50 (بوصة 125.7 سم) / الفئة 49.5 (بوصة 125.7 سم) x 616.41 مم (رأسية)	الفئة 43 (بوصة 107.9 سم) / الفئة 42.5 (بوصة 107.9 سم) x 529.416 مم (رأسية)	منطقة العرض	لوحة
	اسم الموديل	الفئة 65 (بوصة 163.9 سم) / الفئة 64.5 (بوصة 163.9 سم) x 803.52 مم (رأسية)	الفئة 75 (بوصة 189.3 سم) / الفئة 74.5 (بوصة 189.3 سم) x 928.26 مم (رأسية)		
اسم الموديل	الفئة 75 (بوصة 189.3 سم) / الفئة 74.5 (بوصة 189.3 سم) x 928.26 مم (رأسية)	الفئة 65 (بوصة 163.9 سم) / الفئة 64.5 (بوصة 163.9 سم) x 803.52 مم (رأسية)	الفئة 55 (بوصة 138.7 سم) / الفئة 54.6 (بوصة 138.7 سم) x 529.416 مم (رأسية)	منطقة العرض	لوحة
مصدر إمداد الطاقة	AC100-240V~ 50/60Hz اطلع على الملصق الموجود بالجانب الخلفي من المنتج، حيث قد تختلف الفولتية القياسية باختلاف الدول.				
الاعتبارات البيئية	درجة الحرارة: 0 إلى 40 درجة مئوية (32 إلى 104 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 10% إلى 80% دون تكاثف		أثناء التشغيل		
التخزين	درجة الحرارة: -20 إلى 45 درجة مئوية (-4 إلى 113 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 5% إلى 95% دون تكاثف				

\* هذا الجهاز هو جهازاً رقمياً من الدرجة B.  
\* للاطلاع على مواصفات الجهاز بالتفاصيل يرجى زيارة الموقع الإلكتروني لشركة Samsung.